

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
YÊN NGHĨA - HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2020

Hà Nội, năm 2020



MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán quý IV năm 2020- tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1-4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	6
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	7-33

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143,196,236,164	153,407,139,412
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	7,170,386,997	4,782,621,138
1. Tiền	111		4,670,386,997	3,276,456,754
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,500,000,000	1,506,164,384
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6,275,190,300	6,284,846,100
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V2	438,278,610	438,278,610
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V3	(163,088,310)	(153,432,510)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6,000,000,000	6,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100,575,980,740	107,400,910,330
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V4	113,349,910,583	110,411,372,678
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,325,495,000	7,071,540,646
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V5	5,452,204,885	6,289,564,163
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20,551,629,728)	(16,371,567,157)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		27,996,431,372	34,156,028,650
1. Hàng tồn kho	141	V6	27,996,431,372	34,156,028,650
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,178,246,755	782,733,194
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		213,542,307	86,817,501
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		964,704,448	695,915,693
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V7		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V8		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30,393,046,678	21,657,549,792

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V9		
II. Tài sản cố định	220	V10	18,377,367,890	8,594,229,618
1. Tài sản cố định hữu hình	221		9,704,045,827	8,594,229,618
- Nguyên giá	222		61,265,783,995	57,754,934,543
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51,561,738,168)	(49,160,704,925)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		8,673,322,063	-
- Nguyên giá	228		8,673,322,063	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V11	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V12	8,172,482,992	9,077,860,492
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		9,900,000,000	9,900,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,775,000,000	2,775,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4,502,517,008)	(3,597,139,508)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V13	3,843,195,796	3,985,459,682
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3,843,195,796	3,985,459,682
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		173,589,282,842	175,064,689,204
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		31,004,519,438	33,345,348,391
I. Nợ ngắn hạn	310		31,004,519,438	33,345,348,391
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V14	22,782,744,204	14,248,981,220
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		194,861,000	766,071,000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		1,758,469,438	996,805,302
4. Phải trả người lao động	314		2,308,416,625	2,208,445,540
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V15	6,698,299	31,055,811
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V16	23,542,762	23,921,162
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V17	3,929,348,975	15,051,630,221
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		438,135	18,438,135
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V18	142,584,763,404	141,719,340,813
I. Vốn chủ sở hữu	410		142,584,763,404	141,719,340,813
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,457,440,000	80,457,440,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,457,440,000	80,457,440,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42,261,553,850	42,261,553,850
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(308,195,830)	(308,195,830)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11,381,893,567	11,381,893,567
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8,792,071,817	7,926,649,226
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,508,998,826	7,926,649,226
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7,283,072,991	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		173,589,282,842	175,064,689,204

Lập biểu



Kế toán trưởng



Hà Nội ngày 20 tháng 01 năm 2021



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ :Yên nghĩa - Hà Đông - Hà Nội

Tel: Fax:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ IV

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	62,156,595,970	55,851,901,398	230,221,117,295	203,336,554,311
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3,820,000	149,711,773	54,135,000	201,241,923
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		62,152,775,970	55,702,189,625	230,166,982,295	203,135,312,388
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	55,326,319,080	49,016,786,943	201,788,241,638	183,859,816,130
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		6,826,456,890	6,685,402,682	28,378,740,657	19,275,496,258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	63,372,409	348,240,025	890,928,940	1,202,850,161
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	240,419,225	979,403,009	1,592,330,183	1,266,971,939
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62,142,452	162,400,775	488,620,646	363,984,490
8. Chi phí bán hàng	25	V1.5	1,004,536,182	996,357,493	3,851,238,631	3,626,896,470
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.6	6,896,006,910	1,905,131,109	13,985,352,405	7,167,917,891
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(1,251,133,018)	3,152,751,096	9,840,748,378	8,416,560,119
12. Thu nhập khác	31	V1.7	2,345,454	47,254,545	101,238,057	97,796,984
13. Chi phí khác	32	V1.8	580,361,931	12,000,000	616,361,931	65,670,229
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(578,016,477)	35,254,545	(515,123,874)	32,126,755
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		(1,829,149,495)	3,188,005,641	9,325,624,504	8,448,686,874
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(192,437,515)	640,126,007	2,042,551,513	1,696,805,302
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		(1,636,711,980)	2,547,879,634	7,283,072,991	6,751,881,572
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		(204.03)	317.61	907.88	841.66
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Lập biểu



Kế toán trưởng



Hà Nội ngày 30 tháng 12 năm 2021



Nguyễn Trọng Đài

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ : Yên nghĩa - Hà Đông - Hà Nội

Tel: Fax:

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Lũy kế từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		245,619,004,646	222,343,059,657
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(191,559,558,547)	(186,445,206,857)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(22,910,649,409)	(19,892,151,955)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(441,027,071)	(363,984,490)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,377,863,413	2,549,291,568
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11,161,404,577)	(10,355,094,885)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20,924,228,455	7,835,913,038
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2,145,564,201)	(7,322,592,160)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	115,954,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,800,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,800,000,000	4,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(883,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		422,631,799	564,158,840
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,722,932,402)	(3,525,478,775)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		59,748,586,775	50,949,392,839
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(70,464,473,769)	(45,306,856,629)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,097,643,200)	(6,081,744,120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16,813,530,194)	(439,207,910)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2,387,765,859	3,871,226,353
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4,782,621,138	911,394,785
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		7,170,386,997	4,782,621,138

Lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội ngày 20 tháng 12 năm 2021

Tổng Giám đốc
CÔNG NGHIỆP
THƯƠNG MẠI
SÔNG ĐÀ
HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI

Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh vật tư, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất công nghiệp : Sản xuất kinh doanh bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa; Kinh doanh vật tư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà có trụ sở chính tại Cụm công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết là sản xuất sợi, vải dệt thoi và các sản phẩm từ nhựa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, vốn góp đã thực góp của Công ty tại công ty liên kết là 9,900,000,000 VND, tương đương 49.5% vốn điều lệ, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 49.5%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu của kỳ này năm nay so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 174 lao động đang làm việc (số đầu năm là 170 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kỳ này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kỳ này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Thành An (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Thành An (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành. Chi phí sản phẩm dở dang được tính theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp, chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng tại tầng dịch vụ của dự án Tòa nhà T2-Dự án Thăng Long Victorya, chi phí được phân bổ theo thời gian thuê thực tế phù hợp với thời gian Nhà nước cấp quyền cho thuê đất của dự án.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	254,601,765	407,830,332
Tiền gửi ngân hàng	4,415,785,232	2,868,626,422
Các khoản tương đương tiền	2,500,000,000	1,506,164,384
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>	<i>2,500,000,000</i>	<i>1,506,164,384</i>
Cộng	7,170,386,997	4,782,621,138

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Cổ phiếu</i>	438,278,610	275,190,300	(163,088,310)	438,278,610	284,846,100	(153,432,510)
Công ty CP cung ứng và DV kỹ thuật hàng hải (mã: MAC)	438,278,610	275,190,300	(163,088,310)	438,278,610	284,846,100	(153,432,510)
Cộng	438,278,610	275,190,300	(163,088,310)	438,278,610	284,846,100	(153,432,510)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Số đầu kỳ	196,883,610	114,809,310
Trích lập dự phòng bổ sung		38,623,200
Hoàn nhập dự phòng	(33,795,300)	
Số cuối kỳ	163,088,310	153,432,510

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	6,000,000,000	6,000,000,000
Số cuối kỳ	6,000,000,000	6,000,000,000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết</i>	9,900,000,000	(1,727,517,008)	9,900,000,000	(822,139,508)
Công ty CP công nghiệp Sông Đà (i)	9,900,000,000	(1,727,517,008)	9,900,000,000	(822,139,508)
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	2,775,000,000	(2,775,000,000)	2,775,000,000	(2,775,000,000)
Công ty CP đầu tư và xây dựng số 45 (ii)	2,775,000,000	(2,775,000,000)	2,775,000,000	(2,775,000,000)
Cộng	12,675,000,000	(4,502,517,008)	12,675,000,000	(3,597,139,508)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001114139 ngày 24 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà 9,900,000,000 VND, tương đương 49.5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 9,900,000,000 VND, tương đương 49.5% vốn điều lệ. Công ty cổ phần công nghiệp Sông Đà có kết quả sản xuất kinh doanh lũy kế đến cuối kỳ báo cáo bị lỗ. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản vốn đầu tư này theo tỷ lệ vốn thực góp trên số lỗ lũy kế thời điểm cuối kỳ báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 với số lượng cổ phiếu sở hữu là 125,000 cổ phiếu, tương đương 2,775,000,000 VND. Công ty đang tiến hành trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư này theo số liệu báo cáo tài chính năm 2012 do không thu thập được báo cáo tài chính các năm sau.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa có giá niêm yết.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Số đầu kỳ	4,293,375,767	2,822,485,401
Trích lập dự phòng bổ sung	209,141,241	774,654,107
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	4,502,517,008	3,597,139,508

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết (Công ty cổ phần công nghiệp Sông Đà) như sau:

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Các giao dịch với Công ty cổ phần công nghiệp Sông Đà		
Chi phí thuê bên liên kết gia công vải dệt	645,707,700	598,131,600
Doanh thu bán hạt nhựa, hạt màu cho bên liên kết	6,661,800,000	1,074,200,000
Doanh thu cho bên liên kết thuê máy móc thiết bị	111,000,000	162,000,000
Bù trừ công nợ	645,707,700	573,607,700
Thu tiền bán hạt nhựa, hạt màu	5,330,000,000	629,557,000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	6,475,414,112	840,792,300
Công ty CP Công nghiệp Sông Đà	6,475,414,112	840,792,300
Trả trước cho người bán khác	106,874,496,471	109,570,580,378
Công ty cổ phần đầu tư thương mại HP	15,855,163,807	21,854,543,407
Công ty TNHH Dương Hồng	9,588,581,129	9,788,581,129
Công ty CP xi măng Thăng Long	10,101,531,500	9,628,100,000
Công ty CP thương mại Phương Minh	17,301,814,000	20,089,857,000
Công ty CP Hà Phương	12,972,981,000	7,848,843,000
Công ty CP xi măng Trung Sơn	18,311,128,470	1,218,841,470
Các khách hàng khác	22,743,296,565	39,141,814,372
Cộng	113,349,910,583	110,411,372,678

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Ngân hàng BIDV-CN Đông Hà Nội	2,140,000,000	
Công ty cổ phần đầu tư thương mại HP		7,000,000,000
Các khách hàng khác	185,495,000	71,540,646
Cộng	2,325,495,000	7,071,540,646

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu khác</i>				
Công ty CP thương mại và dịch vụ địa chất (*)	5,452,204,885	(4,792,264,000)	6,289,564,163	(5,692,264,000)
Phải thu Lê Trọng Phú - Công ty Huy Phát	3,990,264,000	(3,990,264,000)	4,890,264,000	(4,890,264,000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	700,000,000	(700,000,000)	700,000,000	(700,000,000)
	761,940,885	(102,000,000)	699,300,163	(102,000,000)
Cộng	5,452,204,885	(4,792,264,000)	6,289,564,163	(5,692,264,000)

(*) Là khoản Công ty Cổ phần công nghiệp thương mại Sông Đà (bên B) hợp tác đầu tư cùng với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất (bên A) theo hợp đồng ký kết từ năm 2010, dự kiến đầu tư dự án tại nhà máy xử lý nước thải, khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội. Tuy nhiên theo biên bản làm việc ngày 10 tháng 10 năm 2011 giữa hai bên thì bên B đề nghị bên A thanh toán trả lại bên B toàn bộ số tiền đã góp do dự án chậm tiến độ. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất còn nợ 3,990,264,000 VND.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Công ty cổ phần đầu tư thương mại HP	31,508,468,976	(20,551,629,728)	16,753,305,169	(16,371,567,157)
Công ty TNHH Dương Hồng	15,855,163,807	(4,898,324,559)		
Công ty CP Sông Đà 3	9,588,581,129	(9,588,581,129)	9,788,581,129	(9,788,581,129)
Công ty CP thương mại và dịch vụ địa chất	1,272,460,040	(1,272,460,040)	1,272,460,040	(890,722,028)
Phải thu Lê Trọng Phú - Cty Huy Phát	3,990,264,000	(3,990,264,000)	4,890,264,000	(4,890,264,000)
Công ty CP khoáng sản Xuân Minh	700,000,000	(700,000,000)	700,000,000	(700,000,000)
	102,000,000	(102,000,000)	102,000,000	(102,000,000)
Cộng	31,508,468,976	(20,551,629,728)	16,753,305,169	(16,371,567,157)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Số đầu kỳ	16,373,305,169	16,751,567,157
Trích lập dự phòng bổ sung	4,898,324,559	
Hoàn nhập dự phòng	(720,000,000)	(380,000,000)
Số cuối kỳ	20,551,629,728	16,371,567,157

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	2,758,716,073		3,495,154,603	
Nguyên liệu, vật liệu	9,918,247,606		12,432,160,135	
Công cụ, dụng cụ	-		-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12,119,746,277		12,075,431,787	
Thành Phẩm (i)	3,199,721,416	-	2,549,518,376	
Hàng hoá	-		3,603,763,749	
Hàng gửi bán	-		-	
Cộng	27,996,431,372	-	34,156,028,650	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Số đầu kỳ		
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	-	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn
8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chờ kết chuyển	11,556,721	9,971,503
Chi phí công cụ dụng cụ	171,065,994	58,895,825
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	30,919,592	17,950,173
Cộng	213,542,307	86,817,501

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	230,589,164	153,878,753
Chi phí sửa chữa tài sản	206,709,335	264,813,216
Chi phí thuê mặt bằng (*)	3,312,469,863	3,382,206,075
Các chi phí trả trước dài hạn khác	93,427,434	184,561,638
Cộng	3,843,195,796	3,985,459,682

(*) Công ty thuê diện tích mặt bằng ô TMDV11 và ô TMDV26 trong toà nhà T2 dự án Thăng Long Victorya của Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và phát triển hạ tầng KCN Phúc Hà theo hợp đồng số TMDV11/HĐMB-T2 và số TMDV26/HĐMB-T2 ký ngày 12/12/2018 để gán trừ thu hồi công nợ của Công ty cổ phần đầu tư thương mại HP, thời hạn thuê 49 năm theo thời hạn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án.

9. Tài sản cố định**9a. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8,587,518,537	44,760,301,926	4,104,012,490	303,101,590	57,754,934,543
Tăng trong kỳ	2,573,408,495	2,065,168,712			4,638,577,207
Giảm trong kỳ		(1,092,144,455)	(35,583,300)		(1,127,727,755)
Số cuối kỳ	11,160,927,032	45,733,326,183	4,068,429,190	303,101,590	61,265,783,995
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6,430,938,757	35,822,299,589	205,716,190	159,438,863	42,618,393,399
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7,457,301,690	40,323,484,366	1,154,789,001	225,129,868	49,160,704,925
Tăng do khấu hao trong kỳ	114,981,492	2,079,106,362	643,785,492	47,887,572	2,885,760,918
Tăng, giảm do tăng giảm TSCĐ trong kỳ		(449,144,375)		(35,583,300)	(484,727,675)
Số cuối kỳ	7,572,283,182	41,953,446,353	1,798,574,493	237,434,140	51,561,738,168

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
<i>Số đầu năm</i>	1,130,216,847	4,436,817,560	2,949,223,489	77,971,722	8,594,229,618
<i>GTCL giảm do giảm TSCĐ</i>					
Số cuối kỳ	3,588,643,850	3,779,879,830	2,269,854,697	65,667,450	9,704,045,827

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư di chuyển và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng có giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo là 1,076,419,419 VNĐ đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐTC/CNHTY-STP ngày 21/01/2016 và các biên bản định giá lại kèm phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo

9a. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng 94,3 m2 đất ở đô thị				Cộng
Nguyên giá					
<i>Số đầu năm</i>					-
Tăng trong kỳ(*)	8,673,322,063				8,673,322,063
Giảm trong kỳ					-
Số cuối kỳ	8,673,322,063	-	-	-	8,673,322,063
Giá trị hao mòn					
<i>Số đầu năm</i>					-
Tăng do khấu hao trong kỳ					-
Tăng, giảm do tăng giảm TSCĐ trong kỳ					-
Số cuối kỳ	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại					
<i>Số đầu năm</i>					-
Số cuối kỳ	8,673,322,063	-	-	-	8,673,322,063

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Theo nghị quyết số 151/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghiệp thương mại Sông Đà (Công ty) về Phương án thu hồi công nợ phải thu Công ty CP đầu tư thương mại HP; Giám đốc Công ty đã ký hợp đồng số 35/HĐCN nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở là thửa đất số 107, tờ bản đồ số 17 tại địa chỉ: V10-A03, Lô đất TTDV 01, KĐT mới An Hưng, phường La Khê, quận Hà Đông, TP Hà Nội với Công ty CP đầu tư thương mại HP. Đến ngày 24/11/2020 hợp đồng chuyển nhượng trên đã thực hiện xong. Công ty đã được UBND Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 598339 ngày 24/11/2020 - Về sở hữu thửa đất số 107, tờ bản đồ số 17 tại địa chỉ : V10-A03, Lô đất TTDV01, KĐT mới An Hưng, phường La Khê, quận Hà Đông, TP Hà Nội là đất ở đô thị thời hạn sử dụng lâu dài được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Toàn bộ chi phí Công ty mua quyền sử dụng lô đất trên được Công ty ghi tăng TSCĐ vô hình trong kỳ.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Đầu tư mua sắm MMTB		1,970,668,712	(1,970,668,712)		-
Cộng	-	1,970,668,712	(1,970,668,712)	-	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	22,782,744,204	14,248,981,220
Công ty CP TM & DV Lâm Anh	10,951,091,368	9,186,287,989
Công ty TNHH MTV TM Tuần tài	6,362,577,100	1,108,841,250
Công ty CP nhựa châu Âu	1,117,350,000	1,099,700,000
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt nam	2,662,200,000	
Các nhà cung cấp khác	1,689,525,736	2,854,151,981
Cộng	22,782,744,204	14,248,981,220

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	194,861,000	766,071,000
TS transport (Thái Lan)		
North (Đan Mạch)		766,071,000
Các khách hàng khác	194,861,000	
Cộng	194,861,000	766,071,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp NS	Phải thu NS	Phải nộp NS	Đã nộp NS	Phải nộp NS	Phải thu NS
Thuế GTGT hàng bán nội địa					-	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-		5,400,165,685	(5,400,165,685)	-	
Thuế xuất nhập khẩu	-		135,876,624	(135,876,624)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp		996,805,302	2,042,551,513	(1,280,887,377)		1,758,469,438
Thuế thu nhập cá nhân			403,046,424	(403,046,424)	-	
Tiền thuê đất			171,072,465	(171,072,465)	-	
Các loại thuế khác	-				-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		89,387,638	(89,387,638)	-	
Cộng	-	996,805,302	8,242,100,349	(7,480,436,213)	-	1,758,469,438

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Nội dung chỉ tiêu	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1,829,149,495)	3,188,005,641
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	446,551,543	12,624,392
- Các khoản điều chỉnh tăng	446,551,543	12,624,392
Thù lao thành viên HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	12,000,000	12,000,000
Chi phí xử lý vi phạm về thuế	10,416,132	
Chi phí phạt vi phạm hành chính về thuế, phạt khác	18,916,415	
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ	4,338,268	624,392
Chi phí lãi vay của Công ty Liên kết không đủ điều kiện được tính là chi phí hợp lý	400,880,728	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội dung chi tiêu	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(1,382,597,952)	3,200,630,033
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>(276,519,590)</i>	<i>640,126,007</i>
<i>Điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp của năm 2018,2019 theo BB kiểm tra thuế</i>	<i>84,082,075</i>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(192,437,515)	640,126,007

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức cá nhân khác</i>	<i>6,698,299</i>	<i>31,055,811</i>
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	6,698,299	31,055,811
Cộng	6,698,299	31,055,811

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức cá nhân khác</i>	<i>23,542,762</i>	<i>23,921,162</i>
Kinh phí công đoàn		
Phải trả phải nộp khác	23,542,762	23,921,162
Cộng	23,542,762	23,921,162

16. Vay ngắn hạn

Là khoản Công ty vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Thành An theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/HĐCVHM/NHCT320-STP ngày 01 tháng 9 năm 2020 với mục đích Vay sử dụng để Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức cho vay là 25,000,000,000 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay này được áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung là tiếp tục thế chấp các tài sản sau: Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư di chuyển và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐTC/CNHTY-STP ngày 21/01/2016 và các biên bản định giá lại kèm phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo với giá trị định giá tài sản thế chấp là 1,837,000,000 VNĐ; Thế chấp hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp hàng hoá số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-STP-HTK ký ngày 01/09/2020; Thế chấp kho ản ph ả thu luân chuyển theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 02/2020/HĐBĐ/NHCT320-STP-KPT ký ngày 01/09/2020

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Số đầu kỳ	9,796,436,623	12,043,965,100
Số tiền vay phát sinh	7,031,045,210	15,059,468,885
Tăng do chênh lệch tỷ giá thực hiện		
Số tiền vay đã trả	(12,853,951,829)	(12,027,436,240)
Giảm do chênh lệch tỷ giá thực hiện	(44,181,029)	(24,367,524)
Số cuối kỳ	3,929,348,975	15,051,630,221

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Số đầu kỳ	438,135	260,838,135
Trích lập quỹ từ lợi nhuận ST		
Chi quỹ		(242,400,000)
Số cuối kỳ	438,135	18,438,135

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80,457,440,000	42,261,553,850	(308,195,830)	11,381,893,567	7,592,418,054	141,385,109,641
Chi trả cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối					(6,417,650,400)	(6,417,650,400)
Lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm trước					6,751,881,572	6,751,881,572

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
Số dư cuối cùng kỳ năm trước	80,457,440,000	42,261,553,850	(308,195,830)	11,381,893,567	7,926,649,226	141,719,340,813
Số dư đầu năm nay	80,457,440,000	42,261,553,850	(308,195,830)	11,381,893,567	7,926,649,226	141,719,340,813
Chi trả cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối					(6,417,650,400)	(6,417,650,400)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này					7,283,072,991	7,283,072,991
Số dư cuối kỳ	80,457,440,000	42,261,553,850	(308,195,830)	11,381,893,567	8,792,071,817	142,584,763,404

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	80,457,440,000	80,457,440,000
Thặng dư vốn cổ phần	42,261,553,850	42,261,553,850
Cổ phiếu quỹ	(308,195,830)	(308,195,830)
Cộng	122,410,798,020	122,410,798,020

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8,045,744	8,045,744
- Cổ phiếu phổ thông	8,045,744	8,045,744
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	23,681	23,681
- Cổ phiếu phổ thông	23,681	23,681
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,022,063	8,022,063
- Cổ phiếu phổ thông	8,022,063	8,022,063
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết HĐQT số: 59/NQ-HĐQT ngày 28/04/2020 như sau:

Trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 8%/cổ phiếu bằng tiền mặt : 6,417,650,400 đồng

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 278.93 USD (số đầu năm là 225.5 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	10,379,112,044	7,275,535,548
Doanh thu bán thành phẩm	51,777,483,926	48,576,365,850
Cộng	62,156,595,970	55,851,901,398

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên kết

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
<i>Công ty CP Công nghiệp Sông Đà</i>		
Doanh thu bán hạt nhựa, hạt màu	6,661,800,000	-
Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị	111,000,000	

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Giảm giá hàng bán	3,820,000	149,711,773
Cộng	3,820,000	149,711,773

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp	10,223,535,363	6,814,345,566
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	45,102,783,717	42,202,441,377
Cộng	55,326,319,080	49,016,786,943

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Lãi tiền gửi	21,600,070	323,673,371
Lãi chênh lệch tỷ giá	41,772,339	24,566,654
Cộng	63,372,409	348,240,025

5. Chi phí tài chính

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Chi phí lãi vay	62,142,452	162,400,775
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2,930,832	3,724,927
Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	209,141,241	774,654,107
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(33,795,300)	38,623,200
Cộng	240,419,225	979,403,009

6. Chi phí bán hàng

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Chi phí nhân viên		
Chi phí vận chuyển, dịch vụ và bằng tiền khác	1,004,536,182	996,357,493
Cộng	1,004,536,182	996,357,493

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Chi phí nhân viên quản lý	1,917,228,615	1,534,137,329
Chi phí vật liệu quản lý	63,822,232	70,563,908
Chi phí đồ dùng văn phòng	44,261,191	37,844,125
Chi phí khấu hao TSCĐ	114,840,774	103,027,614
Thuế, phí và lệ phí	166,277,393	15,484,350
Chi phí dự phòng	4,178,324,559	(380,000,000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294,099,138	326,138,510
Chi phí bằng tiền khác	117,153,008	197,935,273
Cộng	6,896,006,910	1,905,131,109

8. Thu nhập khác

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Thu bán phế liệu, thanh lý tài sản	2,345,454	45,454,545
Thu nhập khác		1,800,000
Cộng	2,345,454	47,254,545

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
giá trị còn lại của TSCĐ bán thanh lý	523,000,080	
Thù lao TV HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	12,000,000	12,000,000
Các khoản nộp phạt hành chính, phạt chậm nộp	29,347,199	
Chi khác	16,014,652	
Cộng	580,361,931	12,000,000

10. Lãi trên cổ phiếu

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Lợi nhuận sau thuế	-1,636,711,980	2,547,879,634
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
-Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	-1,636,711,980	2,547,879,634
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8,022,063	8,022,063
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	-204.03	317.61

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Tiền lương	443,462,024	488,595,602
Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	48,000,000	48,000,000
Cộng	491,462,024	536,595,602

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty cổ phần công nghiệp Sông Đà	Công ty liên kết do Chủ tịch HĐQT Công ty giữ chức Chủ tịch HĐQT; Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch với công ty liên kết: Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số V.2

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Chủ yếu là sản xuất bao bì xi măng các loại.
- Lĩnh vực kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh hạt nhựa các loại, xi măng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Quý 4 năm 2020			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	51,773,663,926	10,379,112,044	62,152,775,970
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51,773,663,926	10,379,112,044	62,152,775,970
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			6,826,456,890
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(7,900,543,092)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1,074,086,202)
Doanh thu hoạt động tài chính			63,372,409
Chi phí tài chính			(240,419,225)
Thu nhập khác			2,345,454
Chi phí khác			(580,361,931)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			192,437,515
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(1,636,711,980)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1,899,201,790
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			732,532,801
Quý 2 năm 2019			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	48,426,654,077	7,275,535,548	55,702,189,625
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48,426,654,077	7,275,535,548	55,702,189,625
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			6,685,402,682
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2,901,488,602)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3,783,914,080
Doanh thu hoạt động tài chính			348,240,025
Chi phí tài chính			(979,403,009)
Thu nhập khác			47,254,545
Chi phí khác			(12,000,000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(640,126,007)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2,547,879,634
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1,439,988,722
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			896,466,500

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	117,209,463,727	27,164,540,729	144,374,004,456
Tài sản phân bổ cho bộ phận	6,328,609,728	1,268,608,369	7,597,218,097
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			21,618,060,289
Tổng tài sản			<u>173,589,282,842</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	22,782,744,204		22,782,744,204
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			8,221,775,234
Tổng nợ phải trả			<u>31,004,519,438</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	106,994,729,333	35,246,888,285	142,241,617,618
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			32,823,071,586
Tổng tài sản			<u>175,064,689,204</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15,015,052,220		15,015,052,220
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			18,330,296,171
Tổng nợ phải trả			<u>33,345,348,391</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty bao gồm cung cấp hàng hóa, thành phẩm cho các khách hàng trong nước và ngoài nước.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Khu vực trong nước	55,770,018,640	46,727,500,356
Khu vực nước ngoài	6,382,757,330	8,974,689,269
Cộng	<u>62,152,775,970</u>	<u>55,702,189,625</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí mua tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác phát sinh tại khu vực trong nước.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Pho

Nguyễn Hồng Minh

Nguyễn Trọng Trãi